



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 526.2022/QĐ - VPCNCL ngày 20 tháng 06 năm 2022 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm**

Laboratory: **Food, Cosmetic and Drug Quality Control Center**

Cơ quan chủ quản: **Sở Y tế Bến Tre**

Organization: **Ben Tre Department of Health**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Dược**

Field of testing: **Pharmaceutical**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Phạm Thành Công**

Người có thẩm quyền ký / Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Phạm Thành Công	Các phép thử được công nhận/ Accredited tests

Số hiệu/ Code: **VILAS 1196**

Hiệu lực công nhận / Period of Validation: **20/06/2025**

Địa chỉ/ Address: **Số 113, Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

Địa điểm/ Location: **Số 113, Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 275 3822 705**

Fax: **(+84) 275 3810 370**

E-mail: **kiemnghiembentre@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1196

Lĩnh vực thử nghiệm: Dược

Field of testing: Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thuốc <i>Drug</i>	Xác định giới hạn cho phép về thể tích <i>Determination of limits on the volume</i>		Dược điển Việt Nam, Dược điển các nước, các Tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese pharmacopoeia , other pharmacopoeia , in-house specifications licensed by MoH</i>
2.		Xác định chỉ số pH <i>Determination of pH value</i>		
3.		Xác định độ đồng đều khối lượng <i>Uniformity of Weight</i>		
4.		Xác định độ rã <i>Disintegration Test</i>		
5.		Xác định độ hòa tan <i>Dissolution Test</i>		
6.	Dược liệu <i>Herbal</i>	Xác định tạp chất trong dược liệu <i>Determination of Fragmetation in Herbals</i>		
7.		Xác định chất chiết được trong dược liệu <i>Determination of extracted ingredients in Herbals material</i>		
8.		Xác định hàm lượng ethanol <i>Determination of ethanol content</i>		
9.	Thuốc nguyên liệu làm thuốc <i>Drug Materials</i>	Xác định hàm lượng tro toàn phần <i>Determination of total Ash</i> Xác định hàm lượng tro không tan trong acid <i>Determination of Acid-insoluble Ash</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1196

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Thuốc Nguyên liệu Dược liệu Drug Materials Herbal	Cảm quan (tính chất, mô tả, hình thức...) <i>Appearance (Character, description, form..)</i>		Dược điển Việt Nam, Dược điển các nước, các Tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese pharmacopoeia , other pharmacopoeia , in-house specifications licensed by MoH</i>
11.		Mất khối lượng do làm khô <i>Loss on drying</i>		
12.		Định tính hoạt chất chính - Phương pháp hóa học - Phương pháp sắc kí lớp mỏng - Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử (UV-Vis) - Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC) <i>Identification of active pharmaceutical ingredient</i> - <i>Chemical Method</i> - <i>TLC</i> - <i>UV-Vis</i> - <i>HPLC</i>		
13.		Định lượng hoạt chất chính - Phương pháp chuẩn độ thể tích - Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử (UV-Vis) - Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC) <i>Assay of active pharmaceutical ingredient (API)</i> - <i>Titration method</i> - <i>UV-Vis</i> - <i>HPLC</i>		
14.		Xác định giới hạn nhiễm khuẩn (Tổng vi sinh vật, Tổng nấm men, nấm mốc, vi khuẩn gram âm (-) dung nạp mật) <i>Determination of Test for Microbial contamination</i> <i>(Total microorganisms, Total Mould, Yeast, Bile-tolerant gram-negative bacteria)</i>		
15.		Xác định tỷ trọng <i>Determination of fineness</i>		

Ghi chú/ Note: